

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC & NỘI THẤT HOÀNG KIM- ARC
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC & NỘI THẤT HOÀNG KIM- ARC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANG KIM- ARC ARCHITECTURE & INTERIOR JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HOANG KIM- ARC ARCHITECTURE & INTERIOR .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110370740

3. Ngày thành lập: 30/05/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 20b, Ngõ 349/70 Phố Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0922969368

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (trừ hoạt động đấu giá)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
10.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm; hoạt động đấu giá)	4610

14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)	4620
15.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
16.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt Bán buôn thủy sản Bán buôn rau, quả Bán buôn cà phê Bán buôn chè Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột Kinh doanh thực phẩm chức năng	4632
17.	Bán buôn đồ uống	4633
18.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
19.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn trang thiết bị y tế Bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
20.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
21.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
24.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
25.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
26.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
27.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (Trừ các loại nhà nước cấm)	4669
28.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá)	8299
29.	Giáo dục nhà trẻ Chi tiết: Cơ sở giáo dục nhà trẻ tư thục	8511
30.	Giáo dục mẫu giáo Chi tiết: Cơ sở giáo dục mẫu giáo tư thục	8512
31.	Giáo dục tiểu học	8521

32.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
33.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
34.	Đào tạo sơ cấp	8531
35.	Đào tạo trung cấp	8532
36.	Giáo dục thể thao và giải trí (Chỉ thực hiện hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật và pháp luật chuyên ngành có liên quan)	8551
37.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật (Chỉ thực hiện hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật và pháp luật chuyên ngành có liên quan)	8552
38.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính. (Chỉ thực hiện hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật và pháp luật chuyên ngành có liên quan)	8559
39.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)	9000
40.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
41.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
42.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
43.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
44.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
45.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
46.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...) (trừ massage)	9610
47.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
48.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
49.	Lập trình máy vi tính	6201
50.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
51.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
52.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
53.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
54.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (Trừ Các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí)	6399

55.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
56.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
57.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: -Kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản -Dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản (Trừ hoạt động tư vấn pháp luật)	6820
58.	Quảng cáo	7310
59.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng chi tiết: - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; - Hoạt động trang trí nội thất	7410(Chính)
60.	Cho thuê xe có động cơ	7710
61.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các loại nhà nước cấm)	4690
62.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
63.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
64.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
65.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
66.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
67.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
68.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
69.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
70.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
71.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
72.	Sản xuất sợi	1311
73.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
74.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
75.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
76.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
77.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
78.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
79.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
80.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
81.	Sản xuất giày, dép	1520
82.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
83.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621

84.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
85.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
86.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
87.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
88.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
89.	In ấn	1811
90.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
91.	Sao chép bản ghi các loại (Trừ loại nhà nước cấm)	1820
92.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
93.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: - Sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc	2100
94.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
95.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
96.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
97.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
98.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
99.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
100.	Đúc sắt, thép (trừ hoạt động sản xuất vàng miếng)	2431
101.	Đúc kim loại màu	2432
102.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại (trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	2591
103.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
104.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
105.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
106.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô -Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi	4932
107.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
108.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
109.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
110.	Bốc xếp hàng hóa	5224

111.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày chi tiết: Khách sạn Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	5510
112.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
113.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
114.	Dịch vụ ăn uống khác (trừ kinh doanh quán bar, quán giải khát có khiêu vũ)	5629
115.	Dịch vụ phục vụ đồ uống chi tiết: Quán cà phê, giải khát	5630
116.	Xuất bản phần mềm (Trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
117.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
118.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm chi tiết: -Hoạt động tư vấn, Giới thiệu việc làm cho người lao động (Trừ hoạt động trung tâm dịch vụ việc làm)	7810
119.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
120.	Đại lý du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	7911
121.	Điều hành tua du lịch	7912
122.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
123.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
124.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
125.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
126.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
127.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
128.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
129.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
130.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
131.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
132.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
133.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
134.	Xây dựng nhà để ở	4101
135.	Xây dựng nhà không để ở	4102
136.	Xây dựng công trình đường sắt	4211

137.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
138.	Xây dựng công trình điện	4221
139.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
140.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
141.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
142.	Xây dựng công trình thủy	4291
143.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
144.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
145.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
146.	Phá dỡ (Loại trừ hoạt động nổ bom, mìn)	4311
147.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động dò mìn, nổ mìn)	4312
148.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
149.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
150.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
151.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
152.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
153.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
154.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
155.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
156.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
157.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
158.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ loại nhà nước cấm)	4764
159.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

160.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: -Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ trang thiết bị y tế -Bán lẻ thuốc, nguyên liệu làm thuốc	4772
161.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 300.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LƯU ANH TUẤN	Khu Yên Thành, Thị Trấn Thanh Lăng, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	27.000	270.000.000	9,000	026082006668	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	27.000	270.000.000	9,000		

2	ĐÀO THỊ LUY	Số 20b, Ngõ 349/70 Phố Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	153.000	1.530.000.000	51,000	0331820018 12
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	153.000	1.530.000.000	51,000	
3	TRẦN CÔNG SON	156 Tô Vũ, TDP An Khê 2, Phường Đăng Lâm, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	20,000	2860930068 77
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	60.000	600.000.000	20,000	
4	ĐÀO VĂN DŨNG	Thôn Phúc Lâm, Xã Phúc Tiến, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	20,000	0010820343 45
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	60.000	600.000.000	20,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐÀO THỊ LUY

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 15/03/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 033182001812

Ngày cấp: 24/06/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *63 Tổ 41 Đại Yên, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 20b, Ngõ 349/70 Phố Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội